

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỘC CHÂU  
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ - ST  
Ngày 30 tháng 10 năm 2020  
V/v: “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỘC CHÂU, TỈNH SƠN LA**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đào Ngọc Hà.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Trần Xuân Thành, ông Đỗ Đình Bản.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Đào Công Dương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:*** Bà Mùi Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2020/TLST-HNGĐ, ngày 01 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15/10/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, sinh năm 1993. Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La, có mặt.

- Bị đơn: Anh Vì Văn B, sinh năm 1991. Địa chỉ: Bản P, xã L, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Hiện đang chấp hành cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La, có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24 tháng 9 năm 2020, biên bản ghi lời khai và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

Chị và anh Vì Văn B kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2013, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, đã đủ tuổi kết hôn theo quy định, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Cuộc sống chung của vợ chồng hạnh phúc đến tháng 02 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ, chồng tôi không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh B hay uống rượu, nghiện hút chất ma túy và vi phạm pháp luật, hiện đang điều trị tại Cơ sở nghiện ma túy tỉnh Sơn La. Xét thấy tình cảm vợ, chồng không còn, chị T có đơn khởi kiện ra Tòa án yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vì Văn B.

+ Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung: Cháu Vì Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Diệp cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị không yêu cầu anh B phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Bị đơn anh Vì Văn Bình trình bày:***

Anh nhất trí như việc trình bày của chị Tuyên về thời gian, nguyên nhân mâu thuẫn, anh xác định tình cảm của anh với gia đình vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T.

Về con chung: Quá trình sinh sống anh chị có với nhau 01 người con: Cháu Vì Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011, nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu D cho đến khi đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, vay nợ chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện các thủ tục tố tụng theo đúng quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tham gia đúng thành phần như trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử, các trình tự của phiên tòa sơ thẩm diễn ra theo đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử cho chị Hà Thị T và anh Vì Văn B được ly hôn.

Về con chung: Giao cháu Vì Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Hà Thị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Anh Vi Văn B có hộ khẩu thường trú tại xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La. Căn cứ khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La.

Anh Vi Văn B đã được lấy lời khai và có đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Hà Thị T và anh Vi Văn B kết hôn với nhau vào ngày 30/7/2013. Khi kết hôn anh, chị đã đủ tuổi kết hôn theo quy định của pháp luật, việc kết hôn được tự do tìm hiểu và tự nguyện, không thuộc trường hợp cấm kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lóng Sập, huyện Mộc Châu. Vì vậy quan hệ hôn nhân của chị T và anh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến tháng 02 năm 2014 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh B nghiện chất ma túy, từ đó vi phạm pháp luật và bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng, hiện đang chấp hành tại Cơ sở điều trị nghiện ma túy tỉnh Sơn La.

Quá trình giải quyết vụ kiện Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Vi Văn B. Anh Bình xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn với chị Hà Thị T.

Tòa án nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Tuyên là có căn cứ, cần xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Vi Văn B.

[3] Về con chung: Quá trình sinh sống anh chị đều xác nhận có 01 con chung: cháu Vi Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011 nguyện vọng của chị T là xin được nuôi cháu sau khi ly hôn, xét thấy nguyện vọng của chị là chính đáng, do anh B hiện nay đang chấp hành cai nghiện ma túy, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc cháu. Do đó để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu cần giao cháu Vi Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh B phải đóng góp tiền nuôi con chung cùng với chị, nên không đề cập việc giải quyết trong vụ án này.

[4] Về tài sản, nợ chung: Chị T và anh B trình bày không có tài sản chung, không nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết trong vụ án.

[5] Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn với anh Vì Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Vì Thị Ngọc D, sinh ngày 20/8/2011 cho chị Hà Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con.

3. Về án phí: Chị Hà Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm về việc ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp theo biên lai số AA/2019/0001031 ngày 01/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mộc Châu. Xác nhận chị T đã nộp đủ số tiền án phí.

Nguyên đơn chị Hà Thị T được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh Vì Văn B được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Mộc Châu;
- Chi cục THADS huyện Mộc Châu;
- UBND xã L - Mộc Châu;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

#### **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

#### **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

**Đào Ngọc Hà**